



まつど し せ い か つ 松戸市生活ガイドブック

Sách hướng dẫn sinh hoạt tại thành phố Matsudo



	1 ぼうはん ぼうさい 防犯・防災 Ứng phó trong trường hợp khẩn cấp, phòng chống tội phạm		6 きょういく 教育 Giáo dục
	2 とど で 届け出 Các thủ tục tại Tòa thị chính		7 ふくし せいかつ し えん 福祉・生活支援 Chế độ phúc lợi, trợ cấp sinh hoạt
	3 ほ けん ねんきん 保険・年金 Bảo hiểm, lương hưu		8 い りょう けんこう 医療・健康 Y tế・Sức khỏe
	4 ぜいきん 税金 Thuế		9 くらし (ごみ・仕事・日本語) Thông tin sinh hoạt (Rác sinh hoạt, việc làm, học tiếng Nhật)
	5 しゅっさん こそだ 出産・子育て Sinh con・Nuôi dạy trẻ		10 といあわ そうだんまどぐち 問合せ・相談窓口 Hỏi đáp・Tư vấn

まつど し やくしよ ●松戸市役所

〒 271-8588 根本 387-5

☎ 047-366-1111

🕒 8 時 30 分 ~ 17 時

📅 土曜・日曜、祝日・休日、年末年始 (12 月 29 日 ~ 1 月 3 日)

●Tòa thị chính thành phố Matsudo

〒 271-8588 Nemoto 387-5

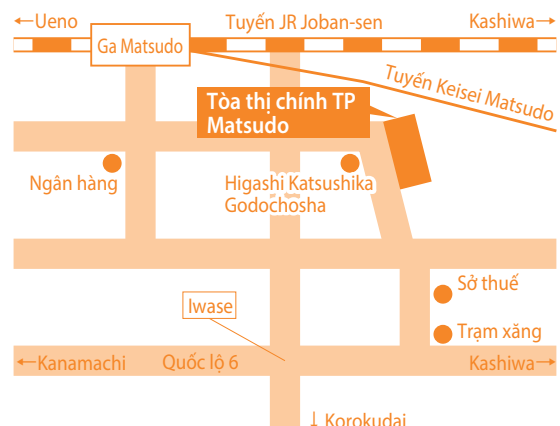
☎ 047-366-1111

🕒 8:30 - 17:00

📅 Đóng cửa các ngày Thứ bảy, Chủ nhật, Ngày nghỉ lễ, Tết dương lịch (29/12 - 3/1)



Trang web Tp
Matsudo



【行政通訳】

松戸市役所では、行政通訳（英語・中国語）が勤務しています。英語・中国語の言語支援をご希望の場合は、以下の時間内にお越しください。

＜英語＞ 月曜～金曜 9:30～17:00
 ＜中国語＞ 月曜・火曜・木曜 9:30～15:30

【モバイル通訳機】

松戸市役所では、モバイル通訳機を使用し、多言語で市民対応を行っています。

＜対応言語＞
 英語、中国語、韓国語、ポルトガル語、スペイン語、ベトナム語、フィリピン語（タガログ語）、
 タイ語、ネパール語、フランス語、ロシア語、インドネシア語
 ＜対応日時＞ 月曜～金曜 9:00～17:00

【多言語情報提供サイト】

市内の観光や行政・くらしに関する情報を、4か国語（日本語、英語、中国語、ベトナム語）にて紹介する公式ホームページ「Matsudo City International Portal」を是非ご活用ください。
<https://www.city.matsudo.chiba.jp/InternationalPortal>



Matsudo City
International
Portal

【マイ広報紙】

松戸市では広報紙を発行しています。「マイ広報紙」は、その広報紙のデータを記事ごとに分けて、インターネットで無料で配信しています（20言語に対応）。



マイ広報紙

目次

1. 防犯・防災.....4	(2) 乳幼児の健康.....28
(1) 火災・救急・事故・事件.....4	(3) 子育て支援.....30
(2) 災害.....4	6. 教育.....34
(3) 災害からの避難.....6	(1) 学校案内・入学・転校.....34
(4) 防犯.....8	(2) 日本語を母語としない児童生徒への支援.....36
2. 届け出.....10	(3) 各種相談.....36
(1) 市役所・支所リスト.....10	7. 福祉・生活支援.....38
(2) 各種届け出.....12	(1) 福祉.....38
(3) 引っ越し.....14	(2) 生活支援.....38
(4) 各種証明書.....14	8. 医療・健康.....40
(5) 本人確認に必要な書類.....16	(1) 医療情報.....40
(6) マイナンバー.....16	(2) 医療機関.....40
3. 保険・年金.....18	(3) 健康情報.....42
(1) 国民健康保険.....18	9. くらし（ごみ・仕事・日本語）.....44
(2) 後期高齢者医療制度.....20	(1) 家庭ごみの分け方・出し方.....44
(3) 国民年金.....20	(2) 自転車・駐輪場.....46
(4) 介護保険.....22	(3) 就職相談・職業紹介.....48
4. 税金.....24	(4) 国際交流.....48
(1) 税金.....24	(5) 日本語学習.....48
5. 出産・子育て.....26	10. 問合せ・相談窓口.....50
(1) 妊娠・出産の流れ.....26	

[Phiên dịch hành chính]

Tòa thị chính hiện đang hỗ trợ phiên dịch hành chính Tiếng Anh và Tiếng Trung, nếu có nhu cầu hỗ trợ phiên dịch vui lòng đến Tòa thị chính vào thời gian dưới đây.

<Tiếng Anh>	Thứ Hai ~ Thứ Sáu	9:30~17:00
<Tiếng Trung>	Thứ Hai • Thứ Ba • Thứ Năm	9:30~15:30

[Dịch vụ phiên dịch bằng thiết bị di động]

Tại Tòa thị chính có cung cấp dịch vụ phiên dịch bằng thiết bị di động, các ngôn ngữ sau đây được hỗ trợ:

<Ngôn ngữ>	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt Nam, tiếng Philip-pines (tiếng Tagalog), tiếng Thái, tiếng Nepal, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Indonesia
<Thời gian>	Thứ Hai ~ Thứ Sáu 9:00~17:00



Cổng thông tin bằng tiếng nước ngoài

[Cổng thông tin bằng tiếng nước ngoài]

Hãy truy cập vào website chính thức “Matsudo City International Portal” dưới đây để cập nhật các thông tin du lịch, hành chính, các thông tin về đời sống tại thành phố bằng 4 thứ tiếng: Anh, Nhật, Việt, Trung

URL: <http://www.city.matsudo.chiba.jp/InternationalPortal>

[My Kohoshi – Trang điện tử báo Koho]

Thành phố Matsudo phát hành báo Koho Matsudo đăng tải tin tức địa phương. “My Kohoshi” là trang điện tử đăng tải báo Koho Matsudo theo từng bài báo. Độc giả có thể đọc miễn phí. Hiện trang có hỗ trợ 20 ngôn ngữ.



Trang điện tử báo Koho

Mục lục

1. Ứng phó trong trường hợp khẩn cấp, phòng chống tội phạm..... 5	(2) Sức khỏe trẻ sơ sinh 29
(1) Hỏa hoạn • Cấp cứu • Tai nạn • Tội phạm 5	(3) Hỗ trợ nuôi dạy trẻ..... 31
(2) Thiên tai..... 5	6. Giáo dục..... 35
(3) Lấn nạn trong trường hợp khẩn cấp 7	(1) Giới thiệu trường • Nhập học • Chuyển trường..... 35
(4) Phòng chống tội phạm 9	(2) Trợ giúp trẻ em có ngôn ngữ mẹ đẻ không phải tiếng Nhật 37
2. Các thủ tục tại Tòa thị chính..... 11	(3) Cửa sổ tư vấn 37
(1) Địa chỉ Tòa thị chính và các chi nhánh 11	7. Chế độ phúc lợi, trợ cấp sinh hoạt..... 39
(2) Các loại đơn xin, tờ khai..... 13	(1) Chế độ phúc lợi 39
(3) Chuyển nơi ở 15	(2) Trợ cấp sinh hoạt..... 39
(4) Các loại giấy chứng nhận..... 15	8. Y tế • Sức khỏe 41
(5) Giấy tờ tùy thân 17	(1) Thông tin y tế..... 41
(6) Mã số cá nhân (My number)..... 17	(2) Cơ sở y tế..... 41
3. Bảo hiểm, lương hưu 19	(3) Chăm sóc sức khỏe..... 43
(1) Bảo hiểm y tế quốc dân 19	9. Thông tin sinh hoạt (Rác sinh hoạt, việc làm, học tiếng Nhật) 45
(2) Chế độ bảo hiểm y tế cho người từ 75 tuổi trở lên..... 21	(1) Phân loại và cách vứt rác thải sinh hoạt..... 45
(3) Lương hưu quốc dân (Nenkin) 21	(2) Xe đạp • Điểm đỗ xe đạp 47
(4) Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng 23	(3) Tư vấn • Giới thiệu việc làm..... 49
4. Thuế..... 25	(4) Giao lưu quốc tế 49
(1) Thuế..... 25	(5) Học tiếng Nhật..... 49
5. Sinh con • Nuôi dạy trẻ..... 27	10. Hỏi đáp • Tư vấn..... 51
(1) Từ khi mang thai đến khi sinh em bé 27	